

Số: 268/TB-VKSTC

Hà Nội, ngày 12 tháng 12 năm 2024

THÔNG BÁO

Rút kinh nghiệm kiểm sát việc giải quyết vụ án hành chính

Qua công tác kiểm sát việc giải quyết các vụ án hành chính theo thủ tục giám đốc thẩm, Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) tối cao nhận thấy việc giải quyết vụ án hành chính về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” giữa người khởi kiện là bà Nguyễn Tuyết N với người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) huyện C và UBND huyện C, tỉnh B của Tòa án nhân dân (TAND) cấp cao tại Thành phố H có vi phạm, cần thông báo rút kinh nghiệm, cụ thể như sau:

I. NỘI DUNG VỤ ÁN

Diện tích 45,9m² đất thuộc thửa số 22, Tờ bản đồ số 18 đường Võ Thị S, Khu dân cư số 6, huyện C, tỉnh B có nguồn gốc là một phần của dãy nhà thuộc Khu vật tư do chính quyền chế độ cũ xây dựng trước năm 1975. Sau giải phóng, UBND huyện C trực thuộc Đặc khu V tiếp quản, sử dụng làm trạm cung cấp vật tư. Ngày 03/01/1990, UBND quận C (nay là UBND huyện C) ban hành Quyết định số 02/UBND.90 chấp thuận cho bà Trương Thị B được tạm cấp một căn nhà diện tích 40,5m² (4,5m x 9m) (khu nhà kho vật tư cũ, căn nhà cuối dãy). Ngày 16/02/2004, bà B lập Giấy chuyển nhượng căn nhà trên cho bà Đỗ Thị H, nhưng không có công chứng, chứng thực. Ngày 18/10/2004, bà H lập “Hợp đồng mua bán” chuyển nhượng lô đất số C4 đường T, huyện C (là khu đất trên có căn nhà bà H nhận chuyển nhượng của bà B) cho vợ chồng ông Lê Đức O và bà Nguyễn Tuyết N cũng không có công chứng, chứng thực.

Thực hiện Dự án xây dựng Hệ thống kỹ thuật hạ tầng và san lấp mặt bằng phân lô cắm mốc K, ngày 29/12/2017, UBND huyện C có Thông báo số 413/TB-UBND thu hồi đất tổng thể thực hiện dự án. Phần đất gia đình bà N sử dụng thuộc quy hoạch Dự án. Ngày 31/12/2019, UBND huyện C ban hành Quyết định số 1716/QĐ-UBND thu hồi 45,9m² đất thuộc thửa số 22, Tờ bản đồ số 18 tại đường Võ Thị S, Khu dân cư số 6 của bà N (là khu đất vợ chồng bà Nga nhận chuyển nhượng của bà H nêu trên). Cùng ngày, UBND huyện C ban hành Quyết định số 1781/QĐ-UBND phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ bà N với tổng số tiền 535.088.126 đồng, trong đó hỗ trợ chi phí cải tạo, sửa chữa nâng cấp nhà thuộc sở hữu nhà nước và hỗ trợ 60% giá trị đất và 60% giá trị nhà bị thu hồi, không bồi thường về đất, không bố trí tái định cư.

Không đồng ý với việc bồi thường, hỗ trợ như trên, bà N đã khiếu nại Quyết định số 1716/QĐ-UBND, Quyết định số 1781/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND huyện C. Ngày 09/7/2020, Chủ tịch UBND huyện C ban hành Quyết định số 770/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại với nội dung không chấp nhận khiếu nại của bà N. Tuy nhiên, đến ngày 23/6/2021, bà N mới biết được Quyết định số 770/QĐ-UBND ngày 09/7/2020 của Chủ tịch UBND huyện C.

Ngày 27/4/2021, bà N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy Quyết định số 1716/QĐ-UBND, Quyết định số 1781/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND huyện C, Quyết định số 770/QĐ-UBND ngày 09/7/2020 của Chủ tịch UBND huyện C. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà N rút yêu cầu đề nghị tuyên hủy Quyết định số 1716/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND huyện C.

II. QUÁ TRÌNH GIẢI QUYẾT CỦA TÒA ÁN

1. Bản án hành chính sơ thẩm số 32/2022/HC-ST ngày 18/4/2022 của TAND tỉnh B quyết định:

[1] Đình chỉ xét xử giải quyết vụ án đối với:

- *Yêu cầu tuyên hủy Quyết định số 1761/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND huyện C về việc thu hồi phần diện tích đất 45,9m² thuộc thửa số 22, Tờ bản đồ số 18 đường V, Khu dân cư số 6, huyện C, tỉnh B quyền quản lý, sử dụng của hộ bà N.*

- *Yêu cầu bồi thường về đất ở, nhà ở, vật kiến trúc, công trình và tài sản khác trên đất theo giá thị trường.*

[2] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà N:

- *Hủy mục 1.2 đất không được bồi thường diện tích 45,9m² tại Quyết định số 1781/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND huyện C.*

- *Hủy một phần Quyết định số 770/QĐ-UBND ngày 09/7/2020 của Chủ tịch UBND huyện C về việc giải quyết khiếu nại đối với nội dung bác yêu cầu bồi thường diện tích đất ở 45,9m² của bà N.*

- *Buộc UBND huyện C phải ban hành quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường cho bà N đối với diện tích đất ở 45,9m² thuộc thửa số 22, Tờ bản đồ số 18 đường V, Khu dân cư số 6, huyện C, tỉnh B theo quy định của pháp luật.*

[3] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N về yêu cầu bố trí 01 suất đất tái định cư.

Ngày 25/4/2022, bà N có đơn kháng cáo đối với nội dung Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử không chấp nhận yêu cầu bố trí 01 suất tái định cư của bà N.

Ngày 05/5/2022, UBND huyện C có đơn kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, sửa một phần bản án hành chính sơ thẩm về nội dung:

“[2] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà N:

- Hủy mục 1.2 đất không được bồi thường diện tích $45,9m^2$ tại Quyết định số 1781/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND huyện C.

- Hủy một phần Quyết định số 770/QĐ-UBND ngày 09/7/2020 của Chủ tịch UBND huyện C về việc giải quyết khiếu nại đối với nội dung bác yêu cầu bồi thường diện tích đất ở $45,9m^2$ của bà N.

- Buộc UBND huyện C phải ban hành quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường cho bà N đối với diện tích đất ở $45,9m^2$ thuộc thửa số 22, Tờ bản đồ số 18 đường V, Khu dân cư số 6, huyện C, tỉnh B theo quy định của pháp luật”.

2. Bản án hành chính phúc thẩm số 901/2022/HC-PT ngày 17/11/2022 của TAND cấp cao tại Thành phố H tuyên xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của bà N và không chấp nhận kháng cáo của UBND huyện C.

Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 32/2022/HC-ST ngày 18/4/2022 của TAND tỉnh B.

3. Ngày 31/12/2022, UBND huyện C có đơn đề nghị Chánh án TAND tối cao kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án hành chính phúc thẩm số 901/2022/HC-PT ngày 17/11/2022 của TAND cấp cao tại Thành phố H.

4. Ngày 20/9/2024, Chánh án TAND tối cao ban hành Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 39/2024/KN-HC đối với Bản án hành chính phúc thẩm số 901/2022/HC-PT ngày 17/11/2022 của TAND cấp cao tại Thành phố H.

Ngày 10/12/2024, Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao xét xử giám đốc thẩm vụ án nêu trên, quyết định chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm của Chánh án TAND tối cao, hủy toàn bộ Bản án hành chính phúc thẩm, giao hồ sơ cho TAND cấp cao tại Thành phố H xét xử phúc thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

III. VẤN ĐỀ CẦN RÚT KINH NGHIỆM

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm, phúc thẩm có vi phạm nghiêm trọng về đánh giá tài liệu, chứng cứ dẫn đến kết luận trong bản án không phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án, gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của Nhà nước trong việc bồi thường, giải phóng mặt bằng, cụ thể là:

[1] Quyết định số 02/UBND.90 ngày 03/01/1990 của UBND quận C (nay là UBND huyện C) tạm giao cho bà Trương Thị B một căn nhà tại Khu vật tư cũ (lô K) để ở với nội dung: “Nay chấp thuận cho bà Trương Thị B cư ngụ tại vùng 3 (Khu thông tin văn hóa) tổ 5, được tạm cấp một căn nhà $4,5m \times 9m = 40,5m^2$ nhà (khu nhà kho vật tư cũ, căn nhà cuối dãy)”. Đây là quyết định tạm giao nhà là tài sản trên đất, không phải quyết định tạm giao đất cho bà B. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm lại nhận định cho rằng Quyết định số 02/UBND.90 ngày 03/01/1990 của UBND quận C là “Giấy tờ tạm giao đất” quy

định tại khoản 6, Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai là không đúng.

[2] Bà B có tên trong Sổ mục kê năm 1995 nhưng Sổ mục kê năm 1995 không phải là giấy tờ khác về quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. Những người nhận chuyển nhượng nhà đất của bà B, sau này là bà N (người nhận chuyển nhượng cuối cùng) đều không đăng ký kê khai đối với phần diện tích đất bị thu hồi làm Dự án.

Như vậy, bà N không đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 99, Điều 101 Luật Đất đai năm 2013 nên không được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai năm 2013. Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm cho rằng bà N có quyết định tạm cấp nhà, có tên trong Sổ mục kê năm 1995 và quá trình sử dụng đất không tranh chấp nên thuộc trường hợp có một trong các giấy tờ về quyền sử dụng đất; tuyên buộc UBND huyện C phải bồi thường về đất cho bà N là không có căn cứ và không đúng quy định của pháp luật.

Trên đây là vi phạm của TAND hai cấp sơ thẩm và phúc thẩm trong việc giải quyết vụ án hành chính nêu trên, VKSND cấp cao tại Thành phố H phát hiện được vi phạm của Tòa án cấp sơ thẩm và có quan điểm trái với Tòa án cấp phúc thẩm nhưng không Thông báo phát hiện vi phạm gửi VKSND tối cao đề nghị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm. Để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm sát, VKSND tối cao thông báo đến VKSND các cấp cùng tham khảo rút kinh nghiệm trong quá trình kiểm sát việc giải quyết các vụ án hành chính tương tự.

Nơi nhận:

- Đ/c Viện trưởng VKSTC (để b/c);
- Đ/c Nguyễn Duy Giảng - PVT VKSTC (để b/c);
- Văn phòng, Vụ 14, T1, T2, T3 VKSND tối cao (để biết);
- Đ/c Nguyễn Kim Sáu - Vụ trưởng Vụ 10 (để b/c);
- VKSND cấp cao 1, 2, 3;
- VKSND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Lưu: VT, V10, HSKS.

TL. VIỆN TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG
VỤ KIỂM SÁT VIỆC GIẢI QUYẾT
CÁC VỤ ÁN HÀNH CHÍNH, VỤ VIỆC KINH DOANH,
THƯƠNG MẠI, LAO ĐỘNG VÀ NHỮNG VIỆC KHÁC
THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT
THỦ TƯỚNG



Trần Thị Hương Giang